

QUYẾT ĐỊNH

Công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung theo phương án đơn giản hóa về cắt giảm 50% thời gian giải quyết thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố về phê duyệt phương án đơn giản hóa cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 5351/TTr-STC ngày 10 tháng 6 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 115 thủ tục hành chính (TTHC) được sửa đổi, bổ sung theo phương án đơn giản hóa, cắt giảm thời gian giải quyết thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Tài chính. Tổng thời gian được cắt giảm: 749.5/1.496 đạt 50.1 %). Cụ thể:

Phần I. Danh mục 77 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài chính;
Phần II. Danh mục 38 TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

(Có Danh mục TTHC kèm theo)

Điều 2. Các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Ban quản lý Khu kinh tế, công nghiệp, UBND các phường, xã có trách nhiệm thực hiện các công việc sau:

1. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC có liên quan, hoàn thành việc cấu hình TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC.

2. Niêm yết, công khai và triển khai thực hiện giải quyết các TTHC có liên quan theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tư pháp, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Công thương; Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp; Chủ tịch UBND các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài chính;
- Cục KSTTHC (Bộ Tư Pháp);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Các PCVP UBND thành phố;
- Công TTĐT, TT PVHCC thành phố;
- Lưu: VT, KSTT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Mạnh

**DANH MỤC TTHC ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA, CẮT GIẢM 50% THỜI
GIAN GIẢI QUYẾT TTHC THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 2013/QĐ-UBND ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chủ tịch UBND thành phố Huế)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
Phần I. Thủ tục hành chính cấp tỉnh						
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của doanh nghiệp						
1.	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân (2.001610)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp (Nghị định số 168/2025/NĐ-CP); - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 về quy định về cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu (Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP);	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC); - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh (Thông tư số 68/2025/TT-BTC). - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân (Thông tư số 64/2025/TT-BTC). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2026 của UBND thành phố về phê duyệt phương án đơn giản hóa cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Tài chính (Quyết định số 1840/QĐ-UBND)	
2.	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên (2.001583)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
3.	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên (2.001199)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: - Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Căn cứ Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
4.	Đăng ký thành lập công ty cổ phần (2.002043)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
5.	Đăng ký thành lập công ty hợp danh (2.002042)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
6.	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp; Thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế. (2.002041)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: + Đối với trường hợp đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính, đăng ký đổi tên của doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân (Thông tư số 64/2025/TT-BTC) thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp,	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). + Đối với trường hợp thông báo thay đổi ngành, nghề kinh doanh; thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được		

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
7.	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh; đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần;	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết (2.002011)			trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
8.	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh; đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân (2.002009)	- Trường hợp đăng ký thay đổi vốn điều lệ, phần vốn góp, tỷ lệ phần vốn góp đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp đăng ký thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
9.	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp (của công ty cổ phần không phải là công ty niêm yết và công ty đăng ký giao dịch chứng	- 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin cổ đông sáng lập, cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài. - 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thay đổi thông tin về chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, thay đổi thông tin để xác định chủ sở hữu hưởng lợi của	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Lệ phí: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	khoán) (2.002044)	doanh nghiệp.		hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
10.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh; thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (2.002069)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: + Trường hợp đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo lập địa điểm kinh doanh: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. + Trường hợp thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
11.	Cấp đổi Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố/cấp xã.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nhận đăng ký kinh doanh) hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh chuyển sang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh (2.002031)		- Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo: Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Tạm ngừng kinh doanh, chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh được miễn lệ phí đăng ký doanh nghiệp (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường	- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
12.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (2.002045)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
13.	Thông báo thay đổi thông tin cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài, thông báo cho thuê doanh	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	- Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nghiệp tư nhân, thông báo thay đổi người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn là tổ chức, cổ đông là tổ chức nước ngoài (1.010026)		chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
14.	Đăng ký doanh nghiệp đối với các công ty được thành lập trên cơ sở chia công ty, tách công ty, hợp nhất công ty (2.002085)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i> ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				- Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
15.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty nhận sáp nhập (đối với công ty	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần và công ty hợp danh) (2.002060)		chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i> ; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
16.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đối với công ty bị tách (đối với công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần) (2.002057)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
17.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần và ngược lại (2.002034)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp. tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.	- Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
18.	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty hợp danh, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần (2.002032)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp phí	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp.		
19.	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên và ngược lại (2.002033)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: Theo quy định tại Thông tư số 64/2025/ITBTC thì lệ phí bằng 50% mức thu lệ phí quy định tại điểm 1 Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC. - Phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp: 100.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký	- Luật Doanh nghiệp năm 2020; - Luật Doanh nghiệp sửa đổi năm 2025; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - <i>Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP</i>; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				doanh nghiệp nộp phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp được thực hiện tại thời điểm doanh nghiệp nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp, doanh nghiệp sẽ được hoàn trả phí công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp. - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.		
20.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích.	- Lệ phí đăng ký doanh nghiệp: 50.000 đồng/lần (Thông tư số 47/2019/TT-BTC). - Miễn lệ phí đối với trường hợp đăng ký qua mạng điện tử (Thông tư số	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (2.002017)		- Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	47/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp nộp lệ phí đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp. Lệ phí đăng ký doanh nghiệp không được hoàn trả cho doanh nghiệp trong trường hợp doanh nghiệp không được cấp đăng ký doanh nghiệp.	- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
21.	Giải thể doanh nghiệp, giải thể trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án (2.002023)	Thông báo giải thể: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Đăng ký giải thể: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể doanh nghiệp.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
22.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (2.002020)	Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp trong nước: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp ở nước ngoài: 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Miễn lệ phí (Thông tư số 47/2019/TT-BTC).	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
23.	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp, hiệu đính thông tin trên Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký hoạt	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Miễn lệ phí.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	động chi nhánh, văn phòng đại diện, Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh và các thông tin về đăng ký doanh nghiệp lưu giữ tại Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp (2.002016)				- Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
24.	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường; chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường của doanh nghiệp xã hội (2.000368)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐCP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
25.	Chuyển đổi doanh nghiệp thành doanh nghiệp xã hội (2.000416)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
26.	Thông báo về việc sáp nhập công ty trong trường hợp sau sáp nhập công ty, công ty nhận sáp nhập không thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp (1.010029)	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		- Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
27.	Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp; thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp (1.010010)	- Đề nghị dừng thực hiện thủ tục đăng ký doanh nghiệp: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Thông báo hủy bỏ nghị quyết, quyết định giải thể doanh nghiệp: Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐCP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC; - Thông tư số 64/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
28.	Đề nghị doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh có tên	1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020;	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thay đổi tên doanh nghiệp (1.005169)	yêu cầu doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên. - Trường hợp tên doanh nghiệp xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp thì doanh nghiệp có tên vi phạm phải đăng ký thay đổi tên. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày Cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo, doanh nghiệp có tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp phải đăng ký thay đổi tên doanh nghiệp, tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.	chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.		- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
29.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ là giả mạo (2.002008)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thay đổi, thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp là giả mạo: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị quy định, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp tỉnh ra thông báo về việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Không được quy định tại Biểu phí, lệ phí đăng ký doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 47/2019/TT-BTC.	- Luật Doanh nghiệp 2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp 2020; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		vi phạm của doanh nghiệp và quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của lần đăng ký thay đổi hoặc Giấy xác nhận về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp được cấp trên cơ sở nội dung kê khai là giả mạo.				
Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa						
30.	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (2.000024)	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 12/6/2027 (Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa); - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					tạo (Nghị định số 38/2018/NĐ-CP); - Nghị định số 210/2015/NĐ-CP ngày 21/7/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 38/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết về đầu tư cho doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo (Nghị định số 210/2025/NĐ-CP). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
31.	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (1.000016)	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 210/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
32.	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (2.000005)	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 210/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
33.	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo (2.002005)	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 210/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính
34.	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư (2.002004)	Trong thời hạn 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; - Nghị định số 38/2018/NĐ-CP; - Nghị định số 210/2025/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực Phát triển doanh nghiệp nhà nước						
35.	Chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (2.002665)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính
36.	Chuyển đổi công ty con chưa chuyển đổi thành công ty TNHH MTV (2.002666)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp.	Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký doanh nghiệp và cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp, cập nhật thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
37.	Đăng ký lại chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của công ty nhà nước và công ty con chưa chuyển đổi (2.002667)	- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, cập nhật thông tin về địa	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Theo quy định tại Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	- Luật Doanh nghiệp năm 2020. - Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. - Nghị định số 89/2024/NĐCP của Chính phủ: Về chuyển đổi công ty nhà nước được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước thành công	Phòng Đăng ký Kinh doanh của Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		điểm kinh doanh trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu, Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh cho doanh nghiệp. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và nêu rõ lý do.			ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên tổ chức và hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực đăng ký kinh doanh tổ chức khoa học và công nghệ						
38.	Đăng ký kinh doanh lần đầu, đăng ký thay đổi nội dung đăng ký	- Đối với trường hợp cấp đăng ký kinh doanh lần đầu, cấp đăng ký	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Tổ chức khoa học và công nghệ được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh (theo quy định tại điểm a khoản	- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính Phủ về Quy	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	kinh doanh, đăng ký cấp lại, hiệu đính thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học công nghệ (1.014565)	<i>thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ:</i> trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ. - <i>Đối với trường hợp cấp lại cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chi nhánh tổ chức khoa học và công nghệ:</i> trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	phổ/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	3 Điều 9 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung).	định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung (Nghị định số 262/2025/NĐ-CP); - Nghị định số 263/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của tổ chức khoa học và công nghệ công lập, nhân lực, nhân tài và giải thưởng trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Nghị	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					định số 263/2025/NĐ-CP); - Thông tư số 119/2025/TT-BTC ngày 15/12/2025 của Bộ Tài chính về đăng ký kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ (Thông tư số 119/2025/TT-BTC). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
39.	Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký, chấm dứt kinh doanh của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ (1.014566)	<i>- Trường hợp đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã đăng ký của tổ chức khoa học và công nghệ, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ: trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.</i> <i>- Trường hợp đăng</i>	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia/ Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Tổ chức khoa học và công nghệ được miễn lệ phí đăng ký kinh doanh (theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 9 Nghị định số 262/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về thông tin, thống kê, đánh giá, chuyển đổi số và các vấn đề chung).	- Nghị định số 262/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 263/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 119/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính

[illegible]

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
41.	Xác định đủ điều kiện hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn thành phố Huế	04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế quy định một số chính sách hỗ trợ đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn thành phố Huế - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính
Quản lý, sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của nhà tài trợ nước ngoài						
42.	Quyết định chủ trương đầu tư các dự án đầu tư nhóm B, nhóm C sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (2.002551)	Không quá 22,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Luật Đầu tư Công; - Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 09 năm 2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài (Nghị định số 242/2025/NĐ-CP);	Cơ quan chủ quản

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Nghị định số 119/2026/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 242/2025/NĐ-CP ngày 10/9/2025 của Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi nước ngoài (Nghị định số 119/2026/NĐ-CP); - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
43.	Quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi thuộc thẩm quyền của người đứng đầu cơ quan chủ quản (1.008423)	Không quá 10 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Luật đầu tư công; - Nghị định số 242/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan chủ quản

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
44.	Quyết định phê duyệt văn kiện dự án hỗ trợ kỹ thuật, phi dự án (bao gồm dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi để chuẩn bị dự án đầu tư) (2.001991)	Không quá 10 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật đầu tư công; - Nghị định số 242/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan chủ quản
45.	Kế hoạch tổng thể thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng (2.002053)	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ký kết điều ước quốc tế cụ thể, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Luật đầu tư công; - Nghị định số 242/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan chủ quản
46.	Kế hoạch thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi, vốn đối ứng hằng năm (2.002050)	15 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Không có	- Luật đầu tư công; - Nghị định số 242/2025/NĐ-CP; - Nghị định số 119/2026/NĐ-CP; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan chủ quản

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			công Quốc gia.			
Quản lý xuất nhập cảnh						
47.	Cấp văn bản cho phép sử dụng thẻ ABTC tại địa phương (3.000242)	<i>* Đối với trường hợp đang làm việc tại các doanh nghiệp nhà nước thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (quy định tại khoản 1 Điều 9 Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ: Trong thời gian 7,5 ngày: cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, trình cấp có thẩm quyền ban hành</i>	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Xuất cảnh, Nhập cảnh của công dân Việt Nam ngày 22 tháng 11 năm 2019; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 25 tháng 6 năm 2023; - Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ ABTC đối với trường hợp doanh nhân đủ điều kiện hoặc có văn bản trả lời đối với trường hợp doanh nhân không đủ điều kiện. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc: cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ ABTC kể từ ngày nhận hồ sơ do cơ quan chuyên môn trình; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. <i>* Đối với doanh nhân đang làm việc tại các doanh nghiệp được thành</i>				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		<i>lập hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam (quy định tại khoản 3 Điều 9 Quyết định số 09/2023/QĐ-TTg ngày 12/4/2023 của Thủ tướng Chính phủ)</i> Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc: cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm chuyển cho các cơ quan thuế, hải quan, bảo hiểm, công an để xác minh những thông tin liên quan đến doanh nghiệp và doanh nhân đề nghị cho phép sử dụng thẻ ABTC. Trường hợp phát sinh những vấn đề phức tạp, cơ quan chuyên môn của				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương gửi các cơ quan khác để xác minh. Trong thời hạn 10 ngày: kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị từ cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan thuế, hải quan, bảo hiểm, công an có văn bản trả lời về kết quả xác minh, nếu không có văn bản trả lời thì coi như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về việc này. Trong trường hợp phát sinh phải xác minh nhiều nơi thì các cơ quan thuế, hải quan, bảo hiểm, công an có văn bản trao đổi với cơ				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương để gia hạn thời gian trả lời kết quả xác minh, thời gian gia hạn không quá 7,5 ngày. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc: cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, trình Chủ tịch UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ ABTC đối với trường hợp đủ điều kiện hoặc cơ quan chuyên môn của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có văn bản				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		trả lời đối với trường hợp không đủ điều kiện. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc: cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ ABTC kể từ ngày nhận hồ sơ do cơ quan chuyên môn trình; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do. Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc: cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành văn bản đồng ý cho phép doanh nhân được sử dụng thẻ ABTC kể từ ngày nhận hồ sơ do cơ quan chuyên môn trình; trường hợp từ chối phải				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do.				
Lĩnh vực quản lý nợ và kinh tế đối ngoại						
48.	Xác nhận chuyên gia cấp tỉnh (2.002058)	7,5 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + Sở Tài chính: 6 ngày + UBND thành phố: 1,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Quyết định số 119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA; - Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện Quy chế Chuyên gia nước ngoài thực hiện các chương trình, dự án ODA ban hành kèm theo Quyết định số	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					119/2009/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực Quản lý công sản						
49.	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước (3.000257)	67 ngày. Trong đó: + Đơn vị điện lực (Bên nhận) 30 ngày; + UBND cấp tỉnh: 3,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh; Cơ quan, tổ chức, cá nhân được phân cấp thẩm quyền. - Cơ quan thực hiện: Đơn vị điện lực, Cơ quan chuyên môn cấp tỉnh. - Cơ quan phối hợp: Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
						điện.
50.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất (3.000291)	15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp tỉnh. - Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
51.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế (3.000410)	18 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: - Tổ chức hành nghề công chứng: 3,5 ngày; - UBND cấp xã: 3,5 ngày; - Sở Tài chính: 3,5 ngày; - UBND cấp tỉnh: 7,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Điều 28 Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 11/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Tổ chức hành nghề công chứng, Sở Tài chính, UBND cấp xã.
52.	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà (1.014535)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	Không có	- Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp tỉnh; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	chính.
Lĩnh vực quản lý Giá						
53.	Hiệp thương giá (1.012735)	Tối đa 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ (bao gồm thời gian rà soát hồ sơ hiệp thương). Cụ thể: - Thời hạn rà soát văn bản hiệp thương giá tối đa: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hiệp thương giá (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến) - Thời hạn để các bên bổ sung thông tin nếu văn	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Chi phí thuê đơn vị tư vấn xác định mức giá hàng hóa, dịch vụ trong trường hợp bên mua và bên bán không thỏa thuận được mức giá tại hội nghị hiệp thương giá và tiếp tục đề nghị Cơ quan hiệp thương giá (Bộ cơ quan ngang Bộ, Sở quản lý ngành, lĩnh vực) xác định mức giá để hai bên thực hiện.	- Luật Giá ngày 19/6/2023; - Nghị định số 85/2024/NĐCP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	+ Cơ quan thực hiện: Sở, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực đối với hàng hóa, dịch vụ theo phân công nhiệm vụ thẩm định phương án giá của UBND tỉnh.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		bản hiệp thương giá không đúng quy định: tối đa 7,5 ngày làm việc (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến) - Thời hạn tổ chức hiệp thương giá: tối đa 7,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản hiệp thương giá đủ điều kiện theo quy định (tính theo dấu công văn đến hoặc qua dịch vụ công trực tuyến)				
54.	Điều chỉnh giá hàng hóa, dịch vụ do Nhà nước định giá theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân (1.012744)	Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đảm bảo điều kiện để thẩm định phương án giá. - Thời hạn thẩm định phương án giá: Tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ bảo đảm điều kiện để	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Giá ngày 19/6/2023; - Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố; + Cơ quan thực hiện: Sở Xây dựng; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Tư pháp; Sở Y tế; Sở Khoa học và Công nghệ; Sở

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		thẩm định phương án giá. Trường hợp phức tạp, thời gian tối đa để thẩm định được tính bổ sung tối đa 15 ngày. - Thời hạn trả lời nếu kiến nghị điều chỉnh giá không hợp lý: trong tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn trình và ban hành văn bản định giá: + Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do một cấp định giá: Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành văn bản định giá trong tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình. + Trường hợp hàng hóa, dịch vụ do hai				Công thương.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		cấp định giá: Cơ quan có thẩm quyền định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu ban hành văn bản định khung giá hoặc giá tối đa hoặc giá tối thiểu trong tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể gửi. Cơ quan có thẩm quyền định giá cụ thể ban hành văn bản định giá cụ thể trong tối đa 15 ngày kể từ ngày cơ quan nhận được hồ sơ do cơ quan thẩm định phương án giá trình.				
Lĩnh vực Đầu tư theo phương thức PPP						

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
55.	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (1.009491)	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực dự án của nhà đầu tư.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; dự án được Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác giao làm cơ quan có thẩm quyền).

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					tư theo phương thức đối tác công tư. - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
56.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT không yêu cầu thanh toán (1.009492)	<i>Trường hợp: Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu thanh toán do nhà đầu tư đề xuất:</i> Thời hạn trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng: 2,5 ngày làm	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có.	- Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế	- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc, trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; - Đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		việc; <i>Trường hợp: Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất:</i> + Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Không quá 7,5 ngày; + Phê duyệt dự án PPP: Không quá 2,5 ngày làm việc.			tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư và nông nghiệp, nông thôn						
57.	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ Mã số: 2.000765	- Đối với trường hợp sử dụng ngân sách địa phương: 7,5 ngày làm việc kể từ ngày doanh nghiệp nộp hồ sơ cho Sở Tài chính. + Sở Tài chính: 06 ngày + UBND thành phố: 1,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp nông thôn. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày	- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài chính; - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.

[illegible]

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
59.	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách (2.002206)	Thời hạn Cơ quan tài chính cấp mã số đơn vị quan hệ ngân sách (ĐVHQNS) và gửi thông báo cấp Giấy chứng nhận mã số ĐVQHNS điện tử cho đơn vị (lần đầu hoặc cấp lại) là 1,5 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu chính; 01 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ theo phương thức nộp hồ sơ qua Dịch vụ công trực tuyến đăng ký mã số ĐVQHNS.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia hoặc Dịch vụ công trực tuyến đăng ký mã số ĐVQHNS của Bộ Tài chính https://mstt.mof.gov.vn	Không	- Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 130/2018/NĐ-CP ngày 27/9/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 165/2018/NĐ-CP ngày 24/12/2018 của Chính phủ; - Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ; - Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26/7/2017 của Chính phủ; - Thông tư số 185/2015/TT-BTC ngày 17/11/2015 của Bộ Tài chính;	Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Tài chính

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực đầu tư tại Việt Nam						
60.	Thủ tục chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009642)	8,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư
61.	Thủ tục điều chỉnh văn bản chấp thuận nhà đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009644)	8,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận nhà đầu tư

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
62.	Thủ tục gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009659)	8,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận gia hạn thời hạn hoạt động của dự án đầu tư
63.	Thủ tục đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (1.009671)	Sở Tài chính cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho nhà đầu tư trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ và cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
64.	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh (1.009645)	13 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.
65.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (1.009646)	- Các trường hợp: 1. Điều chỉnh dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (áp dụng chung); 2. Điều chỉnh trong trường hợp nhà đầu tư chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; 3. Điều chỉnh dự án đầu tư trong	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, lấy ý kiến cơ quan liên quan và tổ chức thẩm định; - Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		trường hợp chia, tách, sáp nhập dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; 4. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp nhà đầu tư nhận chuyển nhượng dự án đầu tư là tài sản bảo đảm thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; 5. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình, tổ chức kinh tế thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; 6. Điều chỉnh dự				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để góp vốn vào doanh nghiệp đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh; 7. Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp sử dụng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất thuộc dự án đầu tư để hợp tác kinh doanh đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh. 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		- Trường hợp: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của toàn án, trọng tài đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (Khoản 3 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP): 06 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
66.	Thủ tục điều chỉnh dự án đầu tư đã được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện) (1.009647)	- Trường hợp 1: Điều chỉnh dự án đầu tư liên quan đến việc thay đổi tên dự án đầu tư, tên nhà đầu tư tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc điều chỉnh tiến độ thực hiện, thời hạn hoạt động của dự án đầu tư theo quy định tại điểm 1b Điều 27	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, xem xét và điều chỉnh Giấy chứng nhận

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		của Nghị định 31/2021/NĐ hoặc nhà đầu tư có nhu cầu cập nhật thông tin về địa điểm thực hiện dự án đầu tư trên cơ sở sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương hai cấp: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 2: Nội dung điều chỉnh dự án đầu tư không thuộc trường hợp 1: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp 3: Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của toàn án, trọng tài đối với dự án đầu tư đã được cấp				đăng ký đầu tư.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh hoặc dự án đã được chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 41 của Luật Đầu tư (Khoản 4 Điều 54 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.				
67.	Thủ tục ngừng hoạt động của dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của	Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc ngừng hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	tư. (1.009661)				Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
68.	Thủ tục chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hoặc Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (1.009662)	- Trong thời hạn 06 ngày kể từ ngày quyết định, nhà đầu tư gửi quyết định chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư hoặc thông báo và nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho Sở Tài chính. - Sở Tài chính thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan kể từ ngày nhận được quyết định hoặc thông chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính tiếp nhận và thông báo việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư cho các cơ quan liên quan và thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có)

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
69.	Thủ tục Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư (Sở Tài chính thực hiện) (1.009664)	- Trường hợp cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. - Trường hợp chuyển nhượng dự án đầu tư xây dựng thứ cấp trong khu đô thị theo quy định tại Điều 117a Nghị định số 31/2021/NĐ-CP: 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, xem xét điều kiện và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư
70.	Thủ tục cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng	- Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số	Sở Tài chính cấp lại và hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	ký đầu tư (1.009665)	chính cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. - Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Sở Tài chính hiệu đính thông tin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	ký đầu tư
71.	Thủ tục thực hiện hoạt động đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, mua phần vốn góp đối với nhà đầu tư nước ngoài (Sở Tài chính thực hiện) (1.009729)	05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 239/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính tiếp nhận hồ sơ, thông báo về việc đáp ứng điều kiện góp vốn, mua cổ phần, mua lại phần vốn góp của nhà đầu tư nước ngoài
72.	Thủ tục thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. (1.009731)	Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT	Sở Tài chính cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành cho nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		hợp đồng BCC.	công Quốc gia.		ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
73.	Thủ tục chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC. (1.009736)	- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành, nhà đầu tư nước ngoài gửi hồ sơ thông báo cho Sở Tài chính tư nơi đặt văn phòng điều hành. - Trong thời hạn 7,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Sở Tài chính quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020. - Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ. - Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Sở Tài chính thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động văn phòng điều hành.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
74.	Hỗ trợ sau đầu tư cho các dự án đầu tư theo Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế	12,5 ngày làm việc. Trong đó: 10 ngày làm việc tại Sở Tài chính; 2,5 ngày làm việc tại UBND thành phố.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế; - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố; - Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính.
Lĩnh vực hỗ trợ đầu tư						
75.	Hỗ trợ chi phí (1.014316)	- Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp hoặc Sở Tài chính (bao gồm cả thời gian lấy ý kiến của cơ quan có liên quan): Trong 05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - UBND thành phố: Chậm nhất ngày 01/10 hằng năm	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 182/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ Quy định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ Hỗ trợ đầu tư. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan thực hiện: Sở Tài chính (đối với dự án ngoài Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu Công nghệ cao) hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế, công nghiệp (đối với dự án trong Khu Kinh tế, Khu công nghiệp, Khu

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		tổng hợp báo cáo Cơ quan điều hành Quỹ .				Công nghệ cao); - Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND thành phố.
Hỗ trợ doanh nghiệp						
76.	Đề nghị hoàn trả số tiền thuê lại đất mà chủ đầu tư đã giảm cho doanh nghiệp công nghệ cao thuộc khu vực kinh tế tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo thuê đất, thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ (2.002842)	- Trường hợp chủ đầu tư được thanh toán bù trừ vào tiền thuê đất phải nộp trong năm: Thời hạn giải quyết chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + UBND cấp tỉnh: 02 ngày; + Sở Tài chính: 02 ngày; + Thuế thành phố: 01 ngày. - Trường hợp chủ đầu tư được hoàn trả từ ngân sách nhà nước: Thời hạn giải quyết chậm nhất 05 ngày làm việc kể từ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.	Không	- Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân; - Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; Sở Tài chính; Thuế thành phố; Kho bạc nhà nước khu vực

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trong đó: + UBND cấp tỉnh: 02 ngày; + Sở Tài chính: 02 ngày; + Kho bạc nhà nước: 01 ngày.				
Lĩnh vực Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư						
77.	Công bố dự án đầu tư kinh doanh (gồm dự án đầu tư có sử dụng đất) đối với dự án không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (2.002603)	1. Về thời hạn xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư: Đối với dự án đầu tư do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền: + Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề xuất dự án, Sở Tài chính báo cáo Chủ tịch UBND thành phố giao một cơ quan chuyên môn tổng hợp, xem xét	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu. - Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư	- UBND cấp tỉnh; - Sở Tài chính; cơ quan, đơn vị thuộc, trực thuộc UBND cấp tỉnh (dự án do UBND cấp tỉnh là cơ quan có thẩm quyền); - Ủy ban nhân dân cấp xã.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư; + Sau khi UBND thành phố giao cơ quan, đơn vị tổng hợp, xem xét hồ sơ đề xuất dự án của nhà đầu tư, trong thời hạn 10 ngày, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ xem xét sự phù hợp của hồ sơ đề xuất dự án, trình người có thẩm quyền phê duyệt thông tin dự án đầu tư; 2. Về thời hạn đăng tải thông tin dự án đầu tư: Trước khi tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư.			theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 23/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án thuộc trường hợp phải tổ chức đấu thầu theo quy định của pháp luật quản lý ngành, lĩnh vực; - Nghị định số 115/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; - Nghị định số 225/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Phần II. Thủ tục hành chính cấp xã						
Lĩnh vực quản lý công sản						
78.	Chuyển giao công trình điện là hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong các dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác do chủ đầu tư phải bàn giao lại cho Nhà	Tối đa 22 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. + Cơ quan nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác (các đơn vị được UBND tỉnh giao	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Nghị định số 02/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Chính phủ về việc chuyển giao công trình điện là tài sản công sang tập đoàn điện lực Việt Nam.	+ Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Thủ trưởng Cơ quan nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác; + Cơ quan thực hiện: Cơ quan

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nước theo quy định của pháp luật (3.000256)	nhiệm vụ): 3,5 ngày. + Bên nhận (theo công bố của Tập đoàn Điện lực Việt Nam): 15 ngày. + Cơ quan nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác: 3,5 ngày.			- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	nhận bàn giao hạ tầng kỹ thuật dự án khu đô thị, khu dân cư và dự án khác; Bên nhận theo công bố của Tập đoàn Điện lực Việt Nam.
79.	Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản không có người thừa kế (3.000410)	14,5 ngày. Trong đó: - Tổ chức hành nghề công chứng: 3,5 ngày; - Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc UBND cấp xã: 3,5 ngày; - UBND cấp xã: 7,5 ngày;	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Điều 28 Nghị định số 77/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 11/3/2025 của Chính phủ sửa đổi,	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã; - Cơ quan thực hiện: Tổ chức hành nghề công chứng, Cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc UBND cấp xã.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
80.	Quyết định miễn, giảm tiền thuê nhà cho tổ chức, cá nhân thuê nhà (1.014535)	05 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã; - Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về kinh tế thuộc UBND cấp xã.
81.	Xác lập quyền sở hữu toàn dân và chuyển giao công trình điện có nguồn gốc ngoài ngân sách nhà nước (3.000257)	33,5 ngày. Trong đó: + Đơn vị điện lực (Bên nhận) 30 ngày; + UBND cấp xã: 3,5 ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công;	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Đơn vị điện lực, Cơ quan chuyên môn cấp xã. - Cơ quan phối

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	hợp: Tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình điện.
82.	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh, bổ sung Kế hoạch quản lý, khai thác nhà, đất (3.000291)	15 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 108/2024/NĐ-CP ngày 23/8/2024 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác nhà, đất là tài sản công không sử dụng vào mục đích để ở giao cho tổ chức có chức năng quản lý, kinh doanh nhà địa phương quản lý, khai thác (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND cấp xã. - Cơ quan thực hiện: Cơ quan chuyên môn về kinh tế thuộc UBND cấp xã.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
Lĩnh vực tài chính đất đai						
83.	Thủ tục khấu trừ kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư (1.012994)	Tối đa 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất. - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền giải quyết và quyết định: UBND cấp xã.
Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
84.	Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (2.002668)	05 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã.	Không thu lệ phí	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024;	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			- Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		- Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực thành lập và hoạt động của hộ kinh doanh						
85.	Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh (1.014034)	* Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ; * Bổ sung, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				tuyển trên Cổng dịch vụ công quốc gia. - Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
86.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh (1.014035)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã.

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
87.	Đăng ký thành lập hộ kinh doanh (1.001612)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh. - Lệ phí đăng ký kinh doanh không bao gồm tiền sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
88.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh (2.000720)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ giấy tờ quy định.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được cấp đăng ký hộ kinh doanh. - Lệ phí đăng ký kinh doanh không bao gồm tiền sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
89.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh (2.000575)	- Trường hợp hộ kinh doanh đã được cấp bản giấy Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh có nhu cầu được cấp lại Giấy này do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác: trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị. - Các trường hợp cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh: trong thời hạn 1,5 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh nộp lệ phí đăng ký hộ kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia. Lệ phí đăng ký hộ kinh doanh không được hoàn trả cho hộ kinh doanh trong trường hợp hộ kinh doanh không được	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				cấp đăng ký hộ kinh doanh. - Lệ phí đăng ký kinh doanh không bao gồm tiền sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
90.	Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh (1.001266)	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực</i>	- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020; - Luật số 76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi,	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp; - Nghị định số 168/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp; - Thông tư số 68/2025/TT-BTC ngày 01/7/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong đăng ký doanh nghiệp, đăng ký hộ kinh doanh; - Thông tư 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					HĐND thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực thành lập và hoạt động, hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã						
91.	Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp (2.002635)			doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	(Nghị định số 92/2024/NĐ-CP); Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Nghị định số 125/2025/NĐ-CP); - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
92.	Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo (2.002636)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP); - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Nghị định số 125/2025/NĐ-CP); - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
93.	Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023 (2.002637)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và quy định nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã (Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Thông tư số 43/2025/TT-BTC). - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
94.	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác/ Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã/ Giấy chứng	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích.	* <i>Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023. - Mức lệ phí cụ thể do Hội	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về đăng ký hợp tác xã, liên	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện/ Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy (2.002638)		- Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.	đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp	hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (Nghị định số 92/2024/NĐ-CP); - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính (Nghị định số 125/2025/NĐ-CP); - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT ngày 16/5/2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác và quy định nội dung thông tin, việc cập nhật, khai thác và quản lý Hệ thống thông tin quốc gia về	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	hợp tác xã (Thông tư số 09/2024/TTBKHĐT); - Thông tư số 43/2025/TT-BTC ngày 17/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành biểu mẫu sử dụng trong lĩnh vực quản lý nhà nước đối với hộ kinh doanh, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Thông tư số 43/2025/TT-BTC). - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
95.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác (2.002639)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã
96.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác (2.002640)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
			công quốc gia.			
97.	Thông. báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (2.002641)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Cổng Dịch vụ công quốc gia.	<i>Trường hợp: Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác.</i> - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023. <i>Trường hợp: Thông báo tạm ngừng kinh doanh/ tiếp tục kinh doanh trở lại đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh</i> <i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					- Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
98.	Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác (2.002642)	* Trường hợp thông báo chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy tờ theo quy định. * Trường hợp đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác: - 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ. - 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc thời hạn (thời hạn 03 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng tổ hợp tác đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động tổ hợp tác).				
99.	Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (2.002643)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Trường hợp: Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. - Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Luật Hợp tác xã năm 2023. Trường hợp: Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i>	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
100.	Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (2.002648)	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Hệ thống thông tin về đăng ký hợp tác xã/ Công Dịch vụ công quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Trường hợp: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - <i>Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân</i>	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>Trường hợp: Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ	thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.		
101.	Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (2.002649)		chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày	09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				08/9/2025.		
102.	Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký khi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chia, tách, hợp nhất (1.005280)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.		
103.	Thông báo thành lập tổ hợp tác (2.002226)	1,5 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	UBND cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
104.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác (2.002227)	1,5 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không	- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015; - Nghị định số 77/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2019 của Chính phủ về tổ hợp tác; - Quyết định số 1474/QĐ-BTC ngày 24 tháng 4 năm 2025 của Bộ Tài chính. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	UBND cấp xã
105.	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh; Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên	Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> <i>Trường hợp: Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP. - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	hiệp hợp tác xã (2.002123)			doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>Trường hợp: Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.	HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				* <i>Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.		
106.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (1.005277)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	* <i>Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	1840/QĐ-UBND.	
107.	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.004901)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
108.	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã,	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	liên hiệp hợp tác xã bị tách, nhận sáp nhập (1.004979)			08/9/2025.	17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
109.	Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (2.001958)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
110.	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.005378)	1,5 ngày làm việc.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> - Mức lệ phí cụ thể do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định (căn cứ quy định tại Thông tư số 85/2019/TT-BTC). - Người nộp hồ sơ đăng ký nộp lệ phí đăng ký kinh doanh tại thời điểm nộp hồ sơ. Lệ phí đăng ký kinh doanh có thể nộp trực tiếp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ ở cấp xã hoặc chuyển vào tài khoản của cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã hoặc thanh toán trực tuyến thông qua chức năng thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
				hoặc bằng cách thức khác theo quy định của pháp luật. Lệ phí đăng ký kinh doanh không được hoàn trả trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được cấp đăng ký. - Tiền sử dụng dịch vụ thanh toán trực tuyến không được tính trong lệ phí đăng ký kinh doanh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
111.	Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.004982)	- Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được nghị quyết giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. - Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký giải thể. - Sau thời hạn 06	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã nhận được nghị quyết giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã mà không nhận được hồ sơ đăng ký giải thể của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.			HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
112.	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (1.005010)	- Trường hợp chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh trong nước: Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh. Kết thúc thời hạn	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	<i>* Nộp theo hình thức trực tiếp:</i> Mức lệ phí (nếu có) theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. <i>* Nộp theo hình thức trực tuyến:</i> Mức thu lệ phí không (0) đồng theo Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025.	- Luật Hợp tác xã 2023; - Nghị định số 92/2024/NĐ-CP; - Nghị định số 125/2025/NĐ-CP; - Thông tư số 09/2024/TT-BKHĐT; - Thông tư số 43/2025/TT-BTC. - Nghị quyết số 17/2025/NQ-HĐND ngày 08/9/2025 của HĐND thành phố Huế. - Nghị quyết số 48/2025/NQ-HĐND	Cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		06 tháng kể từ ngày cơ quan đăng ký kinh doanh cấp xã thông báo tình trạng chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh đang làm thủ tục chấm dứt hoạt động trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp mà không nhận được hồ sơ đăng ký chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và ý kiến phản đối bằng văn bản của cơ quan quản lý thuế hoặc tổ chức, cá nhân và bên có liên quan khác. - Trường hợp chấm dứt hoạt động chi			ngày 25/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Huế về quy định mức thu, nộp lệ phí đăng ký kinh doanh trên địa bàn thành phố Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
		nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh ở nước ngoài: Trong thời hạn 1,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo.				
Đầu tư theo phương thức PPP						
113.	Trình tự chuẩn bị dự án đầu tư do nhà đầu tư đề xuất (1.009491)	Trong thời hạn 2,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề xuất thực dự án của nhà đầu tư.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	- Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; - Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và	Ủy ban nhân dân cấp xã. (đối với dự án PPP có tổng mức đầu tư tương đương dự án nhóm B, nhóm C theo quy định của pháp luật về đầu tư công; dự án áp dụng loại hợp đồng O&M; dự án được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan khác giao làm cơ quan có

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 29/2021/NDCP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy	thẩm quyền).

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. - Nghị định số 257/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2025 quy định chi tiết về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng Xây dựng – Chuyển giao. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
114.	Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt dự án áp dụng loại hợp đồng BT	<i>Trường hợp: Đối với trình tự đề xuất, thẩm định, phê duyệt dự án BT không yêu cầu</i>	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu	Không có.	- Luật số 64/2020/QH14 Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;	- Ủy ban nhân dân cấp xã;

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
	không yêu cầu thanh toán (1.009492)	<i>thanh toán do nhà đầu tư đề xuất:</i> Thời hạn trả lời bằng văn bản chấp thuận hoặc không chấp thuận việc nhà đầu tư lập báo cáo nghiên cứu khả thi và dự thảo hợp đồng: 2,5 ngày làm việc; <i>Trường hợp: Đối với trình tự điều chỉnh nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, phê duyệt điều chỉnh dự án PPP do nhà đầu tư đề xuất:</i> + Thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi: Không quá 7,5 ngày; + Phê duyệt dự án PPP: Không quá 2,5 ngày làm việc.	chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.		- Luật số 03/2022/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật thi hành án dân sự; - Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu; - Luật số 90/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối	

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
					tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tu, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; - Nghị định số 29/2021/NĐCP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư; - Nghị định số 243/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	
Lĩnh vực bảo trợ xã hội						

STT	Tên TTHC	Thời gian giải quyết	Cách thức và địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Cơ quan thực hiện
115.	Hỗ trợ chi phí hỏa táng trên địa bàn thành phố Huế (1.012169)	04 ngày làm việc	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố/cấp xã. - Qua dịch vụ Bưu chính công ích. - Trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công Quốc gia.	Không có	Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 II của HĐND tỉnh Thừa Thiên Huế (nay là thành phố Huế) Quy định chính sách hỗ trợ chi phí hỏa táng trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế. - Quyết định số 1840/QĐ-UBND.	UBND cấp xã